

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 13/2024/HS-ST.

Ngày: 23-01-2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Thẩm phán:

Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khắc Đình

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Trần Viết Ty

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Phạm Mai Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 290/2023/TLST-HS ngày 07/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-HS ngày 08/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn N**; Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 23/5/1986, tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Bản B, xã Th, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông: Lương Văn T0 (đã chết) và bà: Hà Thị T1, sinh năm: 1956; Vợ là: Lữ Thị L, sinh năm: 1987; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/6/2023 đến ngày 18/6/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Đình T**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/01/1984, tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Số nhà X, phường QT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Đình Đ, sinh năm: 1950 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1952; Vợ là: Lò Thị H, sinh năm: 1993; Có 01 con sinh năm 2012; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án: Ngày 15/10/2021 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội: Gây rối trật tự công cộng (phạm tội trong thời gian thử thách); Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2023 đến ngày 17/6/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Trọng K; Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 18/6/1987, tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Số nhà Y, phường P, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Không xác định; con bà: Đặng Thị Đ, sinh năm: 1960; Vợ: Bùi Thị T3, sinh năm: 1987; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và con nhỏ nhất sinh năm 2011; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2023 đến ngày 17/6/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đàm Tá S; Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 10/10/1989, tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Khu phố Vĩnh Ngọc, phường Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số nhà C, phố T, phường A, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đàm Tá C1, sinh năm: 1959 và bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1968; Vợ: Nguyễn Thị T7, sinh năm: 1989; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010 và con nhỏ nhất sinh năm 2012; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 26/7/2021 bị xử phạt hành chính về hành vi “*Cắt giấu trong người các loại dao*” nhằm mục đích gây thương tích cho người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 17/6/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn N:* Luật sư Lê Thị P;

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Lê Phụng Hoàng, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:* Luật sư Nguyễn Gia T4

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Bắc Thành, số 78 đường Lê Thế Long, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng K:* Luật sư Mai Văn B1

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Bắc Thành, số 78 đường Lê Thế Long, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị T5, sinh năm: 1952; Địa chỉ: Phố T, phường ĐT, thành phố Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

* *Người làm chứng:*

1, Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1989; Địa chỉ: : SN D, phố T, phường AH, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2, Anh Lê Việt H, sinh năm: 1988; Địa chỉ: đường NT, phường TS. TP. Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 45 phút, ngày 11/6/2023, Tổ công tác Phòng PC04 Công an tỉnh Thanh Hóa, chủ trì phối hợp với các đơn vị Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa; Đội kiểm soát phòng chống ma túy Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, Công an phường Phú Sơn, Công an phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, phát hiện bắt quả tang Trần Trọng K và Lê Đình T về hành vi: *Mua bán trái phép chất ma túy*, tiến hành khám xét và thu giữ trong người Trần Trọng K, 01 túi giấy màu trắng bên trong đựng 15 túi nilon gồm 12 túi màu xanh và 03 túi màu hồng, trong mỗi túi nilon đều đựng các viên nén hình trụ tròn màu đỏ và xanh. K khai nhận số ma túy trên vừa nhận của Lê Đình T là lái xe khách BKS 36B- 01853 của nhà xe Hoàng Thái, mục đích để bán cho Đàm Tá S; Thu giữ trong người Lê Đình Tiến 01 túi nilon màu vàng đựng 13 viên nén màu đỏ và 01 xe ô tô chở khách gắn logo Hoàng Thái, BKS 36B- 01853, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, gắn sim số 0339279869 và 01 điện thoại Nokia, màu đen loại máy bàn phím gắn sim số 0982272224. Lê Đình T khai nhận số ma túy này được Lương Văn N đưa cho khi N đến giao 15 túi ma túy hồng phiến trên mang về đưa cho K, để bán kiếm lời. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Trọng K thu giữ 01(một) túi nilon màu hồng ký hiệu chữ A, kích thước khoảng 5x10cm, bên trong đựng 44 viên nén hình tròn màu hồng và xanh; 01 xe mô tô BKS 36B5-91839; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, gắn sim số 0978689199.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và triệu tập Lương Văn N để làm việc. Ngày 12/6/2023, tại cơ quan điều tra N đã có đơn xin đầu thú khai báo về hành vi cùng với Lê Đình T bán 15 túi ma túy hồng phiến cho Trần Trọng K với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) mỗi túi hồng phiến 200 viên. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lương Văn N 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0565.908.674.

Tại bản Kết luận giám định số: 2251/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Các viên nén hình tròn màu đỏ và màu xanh thu giữ khi bắt quả tang Trần Trọng K là 278,858g (hai bảy tám phẩy tám năm tám gam) là ma túy loại Methamphetamine.

- Các viên nén hình tròn màu đỏ, màu xanh thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Trọng K có tổng khối lượng 3,974g (ba phẩy chín bảy bốn gam) là ma túy loại Methamphetamine.

- Các viên nén hình tròn màu đỏ thu giữ khi bắt quả tang Lê Đình T có tổng khối lượng 1,198g (một phẩy một chín tám gam) là ma túy loại Methamphetamine.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và triệu tập Đàm Tá S để làm việc nhưng Sơn không có mặt tại địa phương. Ngày 24/6/2023, Đàm Tá S biết Trần Trọng K đã bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên đã đến cơ quan điều tra xin đầu thú về hành vi mua bán 03 túi ma túy hồng phiến với K ngày 29/5/2023, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nơi ở của Sơn số tiền 66.000.000VNĐ (*sáu mươi sáu triệu đồng*) và 01 (một) điện

thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy bàn phím gắn sim số 0911710465 và 0899123718.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận cụ thể như sau:

Trần Trọng K và Đàm Tá S quen biết nhau khoảng 5 tháng trước, S đã hỏi K biết chỗ nào bán ma túy hồng phiến ngon thì lấy cho Sơn 10 túi. K đồng ý và hẹn với Sơn khi nào có ma túy sẽ gọi. Sau đó, Khanh đã liên lạc với Lê Đình T là lái xe khách của nhà xe Hoàng Thái tuyến Quan Sơn – thành phố Thanh Hóa nhờ mua ma túy để bán lại. Tiến đồng ý nhưng nói cho K biết hiện tại chưa có ma túy có gì sẽ liên lạc lại. Lê Đình T đã liên lạc với Lương Văn N, nói “*Có mỗi ma túy ở thành phố Thanh Hóa*” (tức có khách muốn mua ma túy) và rủ Nhận làm cùng thì N đồng ý. N liên lạc với một người Lào tên là Heo, biết nói tiếng dân tộc Thái hỏi có ma túy bán không, Heo trả lời “có” rồi hỏi N muốn mua loại ma túy gì, số lượng bao nhiêu, thanh toán bằng tiền Việt hay tiền Lào. N nói muốn mua ma túy hồng phiến, số lượng khách đặt bao nhiêu thì mua bấy nhiêu, thanh toán bằng tiền Việt Nam. Heo đồng ý bán và báo mỗi túi hồng phiến 200 viên có giá 2.500.000VNĐ. N đồng ý nói với Heo có gì sẽ liên lạc lại. Sau khi tìm được nguồn ma túy, Lương Văn N gọi điện lại cho Lê Đình T thông báo đã tìm được nguồn ma túy. Tiến nói với N nếu bán cho khách ở thành phố Thanh Hóa, thì báo giá là 3.000.000VNĐ/01 túi hồng phiến, số tiền lời 500.000đ, T và N sẽ chia đôi. Sau đó, T gửi số điện thoại của K cho Nhận để hai người tự liên lạc. N và K liên lạc qua điện thoại và thống nhất mua, bán mỗi túi hồng phiến 200 viên có giá tiền là 3.000.000đ. Khi có ma túy, N sẽ lấy đem ra xe khách đưa cho Lê Đình T, rồi T đem về thành phố Thanh Hóa đưa cho K. Tiền mua ma túy K sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng mà T đưa (sau khi bị bắt thì Khanh biết tài khoản đó là tài khoản của N), trường hợp K đưa tiền mặt thì Tiến sẽ lấy từ K cầm lên cho N.

Trong khoảng đầu tháng 5 năm 2023, K đã chuyển tổng số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho N qua tài khoản ngân hàng để mua ma túy. Lương Văn N sau khi nhận tiền của K đã rút toàn bộ số tiền này đưa tiền mặt cho Heo để mua ma túy. Heo đã bán ma túy cho N 02 lần, cụ thể:

Vào sáng ngày 29/5/2023, Heo gọi điện cho N nói có 04 túi ma túy hồng phiến, đến đường biên để lấy. N một mình đi bộ đến gặp Heo ở sát đường biên giới giữa Việt Nam và Lào lấy 04 túi ma túy hồng phiến, trong đó có 03 túi màu xanh, 01 túi màu hồng bỏ trong vỏ hộp kẹo cao su. Heo dặn N, hiện tại mới có từng ấy ma túy, khi nào có sẽ liên lạc với N sau. Lấy được ma túy, N đem ra xe khách đưa cho T để T đem về thành phố Thanh Hóa bán cho K. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi về đến bến xe khách phía Tây thành phố Thanh Hóa trả khách xong, T gọi cho K ra cây xăng Anh Phát để lấy ma túy. K ra gặp T nhận một vỏ hộp kẹo cao su bên trong đựng 04 túi ma túy hồng phiến. Lấy được ma túy, K không kiểm đếm và không biết số lượng cụ thể trong từng túi là bao nhiêu viên, đem về nhà cất giấu 01 túi ma túy hồng phiến màu hồng trên nóc tủ lạnh. Số ma túy này, K đã bán cho hai người để kiếm lời cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 09/6/2023, K bán cho Lê Việt H 03 viên ma túy hồng phiến với giá 300.000đ. Ngày 10/6/2023, K bán cho người tên C 03 viên ma túy hồng phiến với giá

300.000đ. Số ma túy còn lại có tổng khối lượng là 3,974g (ba phẩy chín bảy bốn gam) loại Methamphetamine chưa kịp bán thì bị cơ quan điều tra thu giữ. Số tiền bán ma túy thu được K đã tiêu sài cá nhân hết. Còn 03 túi ma túy hồng phiến màu xanh K bán cho Đàm Tá S với giá 3.700.000đ/túi. Tổng số tiền Sơn phải thanh toán là 11.100.000đ. Tuy nhiên, khi nhận số ma túy trên, S đã kiểm đếm phát hiện mỗi túi có 174 viên màu hồng và 02 viên màu xanh, tổng số là 176 viên, không đủ số lượng 200 viên mỗi túi như đã thỏa thuận và kém chất lượng, khi đốt cháy thành than, chỉ sử dụng được một ít. Do đó, ngày 30/5/2023, S chỉ chuyển 6.000.000đ vào tài khoản cho K để thanh toán tiền mua số ma túy trên.

Vào khoảng ngày 04/6/2023, Đàm Tá S gặp Trần Trọng K tiếp tục hỏi mua ma túy. Sơn đã đưa cho K số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), mục đích để đặt mua ma túy hồng phiến, S và K thống nhất giá mỗi túi hồng phiến là 3.300.000đ/ túi, số tiền còn thiếu S sẽ trả đủ khi nhận ma túy.

Sáng ngày 11/6/2023, Heo gọi điện cho N nói đã có 15 túi ma túy hồng phiến hẹn N đến vị trí cũ (*đường biên giới giữa Việt Nam và Lào*) để lấy. N một mình đi bộ ra gặp Heo. Heo đưa cho N 15 túi ma túy hồng phiến, được bọc trong túi nilon màu trắng và khoảng hơn 10 viên hồng phiến đựng trong túi nilon màu vàng (*là số ma túy được cho thêm*). Khoảng 09 giờ ngày 11/6/2023, N gọi điện cho Tiến nói đã lấy được 15 túi ma túy hồng phiến từ Lào về. Tiến bảo N đem ra xe khách, sau đó N một mình đi ra đưa cho T một bọc nilon màu trắng. Đưa ma túy xong N đi về chòi, gọi điện cho T nói tiền K còn thiếu T có trách nhiệm lấy của K đưa lại cho N để trả cho Heo và gọi điện báo cho K đã gửi 15 túi ma túy hồng phiến cho Tiến đem về, Khanh liên lạc với anh T để lấy ma túy hồng phiến. Khoảng 13 giờ 30 phút về đến bến xe, T gọi cho K ra cây xăng Anh Phát để lấy ma túy. Khoảng 13 giờ 40 phút, K một mình đi xe mô tô BKS 36B5 - 98139, gặp T nhận 15 túi ma túy hồng phiến, có tổng khối lượng 278,858g (hai bảy tám phẩy tám năm tám gam) là ma túy loại Methamphetamine, khi về đến cổng nhà thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy này.

Ngoài ra, khi Lương Văn N đưa bọc ma túy để giao cho K, còn đưa cho Lê Đình T 01 túi nilon màu vàng chứa 13 (mười ba) viên hồng phiến, có tổng khối lượng 1,198g (một phẩy một chín tám gam) ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, ai hỏi mua thì bán. T chưa bán được cho ai thì bị tổ công tác kiểm tra, phát hiện thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra Đàm Tá S khai nhận, sau khi mua được ma túy của K, S mang về nơi ở là nhà của mẹ vợ S, đi xuống bếp, lấy 01 túi ra đếm thấy có 174 viên màu hồng và 02 viên màu xanh. Do thấy thiếu so với thỏa thuận trước đó mỗi túi 200 viên nên Sơn đã nhờ vợ là Nguyễn Thị T7, đếm 02 túi còn lại, đếm xong T7 nói với S, bên trong mỗi túi đều đựng 174 viên màu hồng và 02 viên màu xanh, Đàm Tá S lấy 02 viên hồng phiến ra một mình sử dụng, thấy hàng kém chất lượng. S gọi điện nói cho K biết cả ba túi hồng phiến đều không đủ 200 viên và là hàng kém chất lượng, S đòi trả lại. K bảo cứ để đó có gì K lên. Thấy S phàn nàn hàng kém chất lượng, nên khoảng 14 giờ 19 phút, K điện thoại cho T nói cả bốn túi hồng phiến, T vừa đưa trong mỗi túi đều thiếu (không đủ 200 viên) và có mùi nước hoa. T hỏi K có đổi không thì K không trả lời. Khoảng 15 giờ 30 phút,

K tiếp tục gọi cho T nói thiếu ma túy, T nói sẽ báo lên đầu trên. Khoảng 19 giờ ngày 30/5/2023, K gọi lại cho S bảo S đưa cho K một ít ma túy hồng phiến để kiểm tra chất lượng. S trực tiếp đưa cho K khoảng 40 viên hồng phiến tại đường rẽ vào ngõ nhà S (*K không nhận việc này*). Số ma túy còn lại, S cất giấu ở nóc nhà tắm, một mình sử dụng hết. Khoảng ngày 30/5/2023, Sơn đã thanh toán cho K 6.000.000đ tiền mua 03 túi hồng phiến (*do ma túy kém chất lượng nên K chỉ lấy sáu triệu đồng*), mục đích mua ma túy của S là để bán và sử dụng cho bản thân, nhưng do hàng kém chất lượng nên S đã sử dụng hết. Sơn không thừa nhận đặt mua 15 túi hồng phiến với K. Số tiền 18.000.000đ trước đó S đưa cho K mượn, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ tài liệu điều tra, đủ căn cứ xác định Lương Văn N và Lê Đình T cùng phải chịu trách nhiệm và bị xử lý về hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 284,03 gam loại Methamphetamine. Trần Trọng K phải chịu trách nhiệm và bị xử lý về hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 282,832 gam loại Methamphetamine. Căn cứ vào các tài liệu liên quan có trong hồ sơ vụ án xác định Đàm Tá S đã có hành vi mua 03 gói ma túy hồng phiến của Trần Trọng K vào ngày 29/5/2023 mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

* Xử lý vật chứng thu giữ:

- Đối với xe mô tô BKS 36B5-918.39; nhãn hiệu: Honda; Số loại: Vision; Màu sơn đen - đỏ; Số máy: JF66E0705870; Số khung: RLHJF5812GY705844. Chủ sở hữu là chị Bùi Thị T8 (vợ K), chị T8 không biết K lấy xe đi đâu, làm gì đến khi K bị Công an bắt chị Thương mới biết là K dùng xe đi lấy ma túy. Chị T8 khai không biết và liên quan gì đến hành vi phạm tội của K. Ngày 07/07/2023 chị T8 có đơn xin lại tài sản. Xét thấy tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội, việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị T8 theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 66.000.000VNĐ (sáu mươi sáu triệu đồng) thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Đàm Tá S. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của bà Nguyễn Thị H0 (*mẹ vợ S*). Làm việc với Cơ quan điều tra bà H0 khai nhận số tiền này là tài sản của bà Hợp do lao động tích cóp mà có. Bà H0 khai có 70.000.000VNĐ, sáng ngày 11/6/2023 bà H0 lấy 4.000.000VNĐ để tiêu, còn lại 66.000.000đ cất tại tủ nhôm trong phòng thờ để dành xây mộ cho chồng. Quá trình điều tra xác định số tiền thu giữ của bà H0 không liên quan đến hành vi phạm tội của Đàm Tá S. Ngày 18/9/2023, bà Nguyễn Thị H0 có đơn xin lại tài sản. Ngày 25/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị H0 theo quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc xe ô tô khách BKS 36B-018.53 quá trình điều tra xác định là của bà Hoàng Thị T9 đứng tên giấy tờ xe. Tiến hành làm việc với bà Hoàng Thị T9, T9 khai nhận chiếc xe ô tô trên là do T9 và anh Hoàng Minh C, (*em trai bà Thái*) góp tiền mua chung để chở khách từ Thanh Hóa đến Quan Sơn và ngược lại. Lê Đình T được thuê để lái xe trên chở khách. Bà T9 không biết việc T sử

dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay, bà T9 đang bị tạm giam trong một vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” nên bà T9 ủy quyền lại cho ông Hoàng Minh C. Cơ quan điều tra chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0978.689.199 của Trần Trọng K đã dùng để liên hệ mua bán ma túy là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO, màu trắng gắn sim số 033.927.869 đã dùng để liên hệ mua bán ma túy là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động dạng bàn phím màu đen, gắn sim số 0982.272.224 của Lê Đình T không liên quan đến hành vi phạm tội của Tiến nên trả lại cho Tiến.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0565.908.674 của Lương Văn N đã dùng để liên hệ mua bán ma túy là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy bàn phím gắn sim số: 0911710465 và 0899123718 của Đàm Tá S. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của S nên trả lại cho S. Đàm Tá S khai chiếc điện thoại S dùng liên hệ với K để mua bán ma túy ngày 29/5/2023 khi bỏ trốn S đã ném xuống mương, nhưng không nhớ địa chỉ.

Cáo trạng số: 107/CT-VKS-P1 ngày 06/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lương Văn N, Lê Đình T và Trần Trọng K, về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đàm Tá S về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn N, Lê Đình T và Trần Trọng K, Đàm Tá S phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Hình phạt chính: + Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt Lương Văn N hình phạt 20 năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, điểm g, h (trường hợp tái phạm) khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt Lê Đình T hình phạt 20 năm tù, tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của bản án số: 167/2021/HSST ngày 15/10/2021 của TAND tỉnh Thanh Hóa.

+ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 BLHS xử phạt Trần Trọng K hình phạt từ 18 năm tù đến 19 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt Đàm Tá S **từ 3 năm tù đến 3 năm 6 tháng tù.**

Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền các bị cáo Lương Văn N, Lê Đình T,

Trần Trọng K và Đàm Tá S mỗi bị cáo từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Truy thu của Lê Đình T số tiền 1.000.000đ, truy thu của Trần Trọng K số tiền 6.600.000đ là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có.

Áp dụng a khoản 1 Điều 46 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ còn lại sau giám định.
- Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0978.689.199 của Trần Trọng K; 01 điện thoại di động OPPO, màu trắng gắn sim số 033.927.869 của Lê Đình T; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0565.908.674 của Lương Văn N.
- Trả lại 01 chiếc xe ô tô khách BKS 36B-018.53 cho bà Hoàng Thị T9 là chủ sở hữu hợp pháp.
- Trả lại 01 điện thoại di động dạng bàn phím màu đen, gắn sim số 0982.272.224 của Lê Đình T.
- Trả lại cho Đàm Tá S điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy bàn phím gắn sim số: 0911710465 và 0899123718 của S.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Văn N có quan điểm: Về tội danh và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thống nhất với Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX cho bị cáo N được hình phạt như mức án VKS đề nghị và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình T có quan điểm: Đề nghị HĐXX cho bị cáo T được hình phạt như mức án VKS đề nghị và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Trọng K có quan điểm: Đề nghị HĐXX cho bị cáo K được hình phạt như mức án VKS đề nghị và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận tội, không tranh luận, xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên. VKSND tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Các kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 13 giờ 45 phút, ngày 11/6/2023, Tổ công tác Phòng PC04 Công an tỉnh Thanh Hóa, chủ trì phối hợp với các đơn vị Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa; Đội kiểm soát phòng chống ma túy Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, Công an phường Phú Sơn, Công an phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, phát hiện bắt quả tang Trần Trọng K và Lê Đình T về hành vi: Mua bán trái phép 278,858g (hai bảy tám phẩy tám năm tám gam) ma túy loại Methamphetamine. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của Trần Trọng K phát hiện K tàng trữ trái phép 44 viên ma túy hồng phiến, có tổng khối lượng là 3,974g (ba phẩy chín bảy bốn gam) là ma túy loại Methamphetamine, Khanh khai nhận đây là số ma túy còn lại trong túi ma túy mà Kh đã mua của Lê Đình T và Lương Xuân N ngày 29/5/2023, sau khi K đã bán cho Đàm Tá S 03 túi hồng phiến với giá 6.000.000 (sáu triệu đồng), bán cho Lê Việt H 03 viên với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và bán cho một người tên C1 (không xác định được họ tên cụ thể) 03 viên với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã phát hiện Lê Đình T đang tàng trữ trong túi quần 13 viên hồng phiến có tổng khối lượng, 1,198g (một phẩy một chín tám gam) ma túy loại Methamphetamine mục đích để bán. Nguồn gốc số ma túy trên là của Lương Văn N và Lê Đình T cùng thống nhất, N tìm mua ma túy, mỗi túi hồng phiến có giá 2.500.000đ để bán cho Trần Trọng K với giá 3.000.000đ/ túi, số tiền chênh lệch mỗi túi là 500.000đ, N và T chia đôi mỗi người 250.000đ. Trong khoảng đầu tháng 5/2023, K đã chuyển tiền qua tài khoản cho N tổng số 20.000.000đ để mua ma túy, N đã rút toàn bộ số tiền này đưa tiền mặt cho Heo đặt mua ma túy, Heo đã 02 lần giao mua ma túy cho N tại đường biên giới Việt - Lào, trong đó ngày 29/5/2023 là 04 túi hồng phiến và ngày 11/6/2023 là 15 túi hồng phiến, lần này Heo còn cho thêm 13 viên hồng phiến. N đã đưa toàn bộ số ma túy này cho T. Sau đó T mang về giao lại cho K và giữ lại 13 viên hồng phiến có tổng khối lượng mà 1,198g ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, ai hỏi mua thì bán.

Như vậy, Lương Văn N và Lê Đình T cùng phải chịu trách nhiệm và bị xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, với tổng khối lượng là 284,03 gam loại Methamphetamine. Trần Trọng K chịu trách nhiệm và bị xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 282,832 gam loại Methamphetamine mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Đàm Tá S có hành vi mua 03 túi ma túy hồng phiến của Trần Trọng K vào ngày 29/5/2023 mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Mặc dù, số ma túy trên S đã sử dụng hết, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xác định được khối lượng ma túy mà S đã mua nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định S đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Trần Trọng K ngày 29/5/2023.

Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo Đàm Tá S là nghiêm trọng, của các bị cáo Lương Văn N, Trần Trọng K và Lê Đình T là đặc biệt nghiêm trọng đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Lương Văn N, Trần Trọng Kh và Lê Đình T đã cấu thành tội: Mua bán

trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đàm Tá S đã cấu thành tội: Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo N, T, K là đặc biệt nghiêm trọng và rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều nhận thức rõ tác hại của ma túy, và hình phạt đối với các hành vi phạm tội ma túy rất nghiêm khắc, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây tác hại nhiều mặt của đời sống xã hội. Bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, nhất là đối với các loại tội phạm về ma túy đang gây bức xúc trong giai đoạn hiện nay.

[4]. Về động cơ, mục đích, nguyên nhân và điều kiện phạm tội của các bị cáo: Bản thân các bị cáo mua ma túy mục đích bán để kiếm lời.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Đình T: Ngày 15/10/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội: Gây rối trật tự công cộng (phạm tội trong thời gian thử thách), do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên phải tổng hợp hình phạt của bản án số: 167/2021/HSST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Lê Đình T và Lương Văn N còn 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Trần Trọng K (ngày 29/5/2023 và ngày 11/6/2023); Bị cáo Trần Trọng K đã thực hiện hai lần bán trái phép chất ma túy cho Đàm Tá Sơn, Cường và Lê Việt H. Do đó, các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đàm Tá S có nhân thân xấu: Ngày 26/7/2021 bị xử phạt hành chính về hành vi “*Cắt giấu trong người các loại dao*” nhằm mục đích gây thương tích cho người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS,

Bị cáo Trần Trọng K sau khi bị bắt đã tự thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Đàm Tá S giúp cơ quan điều tra mở rộng điều tra giải quyết vụ án nên được áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Trần Trọng K, Lê Đình T đều có thời gian phục vụ trong quân đội. Các bị cáo Trần Trọng K, Lê Đình T, Đàm Tá S có bố, mẹ đẻ, ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương. Bị

cáo Lương Văn Nhận là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đặc biệt khó khăn nên các bị cáo đều được hưởng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX đã căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội do từng bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo để xem xét vai trò của từng bị cáo khác nhau nên hình phạt cũng khác nhau. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc phân công vai trò cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Lê Đình Tiến đã bàn bạc với Lương Văn N, đã trực tiếp liên hệ mua ma túy của người tên Heo, đưa cho Tiến đem về bán cho K. Do đó, Lương Văn N và Lê Đình T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án này 284,03g (hai tám bốn phẩy không ba gam) loại Methamphetamine nên cùng giữ giữ vai trò đứng đầu.

Bị cáo Trần Trọng K là người khởi xướng việc mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi có khách hỏi mua ma túy K đã liên hệ với Lê Đình T, thông qua T, K đã bàn bạc với Lương Văn N để mua ma túy về bán. K đã một lần bán ma túy cho Đàm Tá S, cất giấu ma túy để sử dụng và bán cho Lê Việt H và các con nghiện. Trần Trọng K chịu trách nhiệm và bị xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 282,832 gam loại Methamphetamine nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Đàm Tá S độc lập thực hiện hành vi mua 03 gói ma túy hồng phiến của Trần Trọng K vào ngày 29/5/2023 mục đích để sử dụng và bán kiếm lời nên giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Xét thấy, mức hình phạt mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung một khoản tiền nhất định sung vào ngân sách Nhà nước. Đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Truy thu của Lê Đình T số tiền 1.000.000 đồng, của Trần Trọng Khanh số tiền 6.600.000 đồng là tiền thu lời bất chính do bán ma túy ngày 29/5/2023 mà có theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8]. Việc xử lý đối tượng liên quan đến vụ án: Người đàn ông người Lào tên là Heo bán ma túy cho bị cáo Lương Văn N vào ngày 29/5/2023 và ngày 11/6/2023, ở đường biên giới Việt Nam - Lào, bị cáo N không biết rõ họ tên, nơi cư trú ở đâu, việc mua bán ma túy chỉ có bị cáo N biết. Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ và xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đàn ông tên Heo nêu trên nên sẽ tách tài liệu liên quan để xử lý trong một vụ án khác khi có đủ căn cứ.

[9]. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành đã dán kín, niêm phong là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0978.689.199 của Trần Trọng K; 01 điện thoại di động OPPO, màu trắng gắn sim số 033.927.869 của Lê Đình T; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0565.908.674 của Lương Văn N, các bị cáo dùng vào việc bán ma túy là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe ô tô khách BKS 36B-018.53 cho bà Hoàng Thị T9, sinh năm 1952 ở phố Tân Tự, phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là chủ sở hữu hợp pháp, khi giao xe cho Tiến sử dụng bà T9 không biết T sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy với Nhận và S nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động dạng bàn phím màu đen, gắn sim số 0982.272.224 của Lê Đình T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy bàn phím gắn sim số: 0911710465 và 0899123718 của Sơn không phải là công cụ phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Toàn bộ số vật chứng hiện được thu giữ và quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 57/2024/TV-CTHADS ngày 11 tháng 12 năm 2023 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Các bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 4, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Văn N, Lê Đình T, Trần Trọng K; Điểm h khoản 2 Điều 52; Khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự (đối với Lê Đình Tiến); Điểm r khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự (đối với Trần Trọng Khanh); Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự (đối với Đàm Tá S); Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Các Điều 331; 333; 336; 337 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn N, Lê Đình T, Trần Trọng K, Đàm Tá S phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn N 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình T 20 (hai mươi) năm tù, tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của bản án số: 167/2021 ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, được trừ thời hạn tạm giam 01 tháng 18 ngày (từ ngày 07/8/2020 đến ngày 22/9/2020). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 21 (hai một) năm 10 (mười) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Trần Trọng K 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Đàm Tá S **03 (ba) năm tù**. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2023.

Về hình phạt bổ sung :

- Phạt các bị cáo Lương Văn N và Lê Đình T mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Phạt các bị cáo Trần Trọng K và Đàm Tá S mỗi bị cáo 5.000.000đ (năm triệu **đồng**).

- Truy thu của Lê Đình T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), của Trần Trọng K số tiền 6.600.000đ (sáu triệu đồng) là tiền thu lời bất chính do bán ma túy ngày 29/5/2023 mà có.

Về vật chứng - Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, đã dán kín, niêm phong.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0978.689.199 của Trần Trọng K; 01 điện thoại di động OPPO, màu trắng gắn sim số 033.927.869 của Lê Đình T; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0565.908.674 của Lương Văn N.

Trả lại 01 chiếc xe ô tô khách BKS 36B-018.53 cho bà Hoàng Thị T9; 01 điện thoại di động dạng bàn phím màu đen, gắn sim số 0982.272.224 của Lê Đình Tiến; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy bàn phím gắn sim số: 0911710465 và 0899123718 của Đàm Tá S.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 57/2024/TV-CTHADS ngày 11 tháng 12 năm 2023 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lương Văn N, Lê Đình T, Trần Trọng K, Đàm Tá S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Luật sư;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Tam Thanh, h. Quan Sơn;
- UBND p. Quảng Thắng, p. Phú Sơn,
p. Đông Lĩnh, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Tố Như